TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2017.
V/v: Yêu cầu không công nhận là vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC B, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phượng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Văn Thắng

- Bà Huỳnh Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lường Thị Phương – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức B, tỉnh Lâm Đồng *không tham gia phiên tòa*.

Trong ngày 05/7/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2017/TLST-HNGĐ ngày 13/02/2017 về tranh chấp *"Yêu cầu không công nhận là vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/6/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lô Thị Tuyết A, sinh năm 1972; Nghề nghiệp: Làm nông;

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1971; Nghề nghiệp: Vệ sỹ;

Cùng trú tại: Tổ A, hẻm B, thị trấn C, huyện T, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bà A có mặt, ông B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lô Thị Tuyết A:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông B chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 19/2/1987 (ngày âm lịch), không có đăng ký kết hôn. Ông, bà về chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới hỏi, có thời gian tìm hiểu trước khi về chung sống với nhau khoảng 02 năm. Qúa trình vợ chồng chung sống với nhau không có hạnh phúc và thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông B ngoại tình, bà đã nhiều lần tha thứ nhưng ông B vẫn

không chịu hối cải, đến năm 2014 ông B lại tiếp tục công khai ngoại tình với một người phụ nữ khác, bà và các con đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng không được. Ngoài ra, ông B còn hăm dọa, chém giết bà, ông B còn đóng hết cửa nhà lại đe dọa đòi tạt axit vào bà làm ảnh hưởng đến tinh thần của bà rất nhiều. Hiện nay vợ chồng bà vẫn sống chung trong một nhà, nhưng trên thực tế ông B chỉ về nhà vào ban ngày để lấy đồ đạc. Bà không thể tiếp tục tha thứ và chung sống với ông B được nữa. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông B là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông B có 03 con chung tên là Nguyễn Văn C, sinh năm 1988, Nguyễn Văn D, sinh năm 1990 và Nguyễn Quỳnh E, sinh năm 1993. Hiện nay các con chung đều đã thành niên, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông B tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông B không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Văn B:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà A chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 19/2/1987 (âm lịch), không có đăng ký kết hôn. Ông, bà chung sống với nhau là tự nguyện, không tổ chức lễ cưới hỏi, có thời gian tìm hiểu nhau trước khi về chung sống với nhau khoảng 02 năm. Qúa trình vợ chồng chung sống có hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng ông như bà A trình bày là đúng, ông có ngoại tình với người phụ nữ khác, ông có đe dọa bà A nhưng thật ra không phải axit mà chỉ là 01 chai nước, ông không đánh đập bà A. Ông đã nhận ra lỗi lầm của mình và biết hành vi của mình là sai trái, ông xin cam đoan sẽ sửa chữa sai lầm của mình và xin hứa không bao giờ tái phạm nữa. Bà A yêu cầu Tòa án không công nhận bà A và ông là vợ chồng ông không đồng ý, ông có mong muốn đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Ông và bà A có 03 con chung tên là Nguyễn Văn C, sinh năm 1988, Nguyễn Văn D, sinh năm 1990 và Nguyễn Quỳnh E, sinh năm 1993. Hiện nay các con chung đều đã thành niên, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà A tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà A không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Lô Thị Tuyết A cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm có: 03 bản Giấy khai sinh con chung tên Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn D, Nguyễn Quỳnh E (bản sao), 01 bản sổ hộ khẩu gia đình, 01 bản giấy chứng minh nhân dân – bà A (bản sao), 01 bản Bản tự khai của bà A; bị đơn ông Nguyễn Văn B nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ: 01 bản Giấy phép lái xe, 01 bản giấy chứng nhận nhân viên bảo vệ ông B (bản

photo thẩm phán đã đối chiếu bản chính), 01 bản Bản tự khai của ông B; các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được gồm có: Không có.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc *"Yêu cầu không công nhận là vợ chồng"* giữa nguyên đơn bà Lô Thị Tuyết A với bị đơn ông Nguyễn Văn B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 02 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung: Bà Lô Thị Tuyết A và ông Nguyễn Văn B chung sống với nhau từ ngày 19/2/1987 (âm lịch), không có đăng ký kết hôn, không tổ chức lễ cưới hỏi. Thời gian đầu bà A và ông B chung sống có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến sự mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo bà A là do ông B ngoại tình, bà đã nhiều lần tha thứ nhưng ông B vẫn không chịu hối cải, đến năm 2014 ông B lại tiếp tục công khai ngoại tình với một người phụ nữ khác, bà và các con đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng không được. Ngoài ra, ông B còn hăm dọa, chém giết bà, ông B còn đóng hết cửa nhà lại đe dọa đòi tạt axit vào bà làm ảnh hưởng đến tinh thần của bà rất nhiều; Theo ông B nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng ông như bà A trình bày là đúng, ông có ngoại tình với người phụ nữ khác, ông có đe dọa bà A nhưng thật ra không phải axit mà chỉ là 01 chai nước, ông không đánh đập bà A. Bà A xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên bà yêu cầu không công nhận bà với ông B là vợ chồng. Ông B có mong muốn đoàn tụ gia đình nhưng ông không có biện pháp giải quyết mâu thuẫn gia đình. Xét thấy, bà A và ông B chung sống với nhau từ ngày 19/2/1987 (âm lịch) nhưng không có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà A với ông B không được pháp luật công nhận. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận bà Lô Thị Tuyết A và ông Nguyễn Văn B là vợ chồng.

Về con chung: Bà A và ông B có 03 con chung tên là Nguyễn Văn C, sinh năm 1988, Nguyễn Văn D, sinh năm 1990 và Nguyễn Quỳnh E, sinh năm 1993. Hiện nay các con chung của bà A và ông B đều đã thành niên, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Bà A và ông B tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà A và ông B không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Buộc bà Lô Thị Tuyết A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lô Thị Tuyết A, không công nhận bà Lô Thị Tuyết A và ông Nguyễn Văn B là vợ chồng.

Về án phí: Bà Lô Thị Tuyết A phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà A đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2015/0006253 ngày 13/02/2017 được chuyển thu.

Bà A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện T;
- THADS huyện T;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu AV, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Phượng Diễm